

Có nên trồng BẠCH ĐÀN KHÔNG?

NGUYỄN NHƯ KHANH

BẠCH đàn là tiếng gọi chung các loài cây thuộc chi thực vật *Eucalyptus*. Chi này có hàng trăm loài bao gồm những cây bụi, cây nhỏ cho đến những cây gỗ có tầm vóc cao lớn, có những loài có chiều cao thuộc hàng những cây cao nhất trong thế giới thực vật. Tộc quốc của các loài bạch đàn là châu Úc và các đảo lân cận. Đặc điểm thích nghi sinh thái của chúng rất rộng. Ngày nay bạch đàn đã vượt xa biên giới của vùng phân bố ban đầu của chúng, đã được nhập vào những miền đất đai có khí hậu rất khác nhau. Hiện nay bạch đàn phát triển tốt ở Malaixia, Ấn Độ, Pakixtan, Italia, Ixraen, Tây Ban Nha, lên đến tận Liên Xô, xuống Nam Phi, vượt Đại Tây Dương sang bắc Mỹ và Braxin ở nam Mỹ và tại nhiều nước khác. Tại nhiều nước đã có những lâm phần bạch đàn hàng chục năm với những cây đường kính hàng mét.

Công dụng của bạch đàn rất lớn. Tại nhiều nước gỗ bạch đàn được dùng cho công nghiệp đóng tàu, xây dựng, tạo tác giấy sợi và các mặt hàng khác. Lá bạch đàn giàu tinh dầu cũng là nguồn nguyên liệu quý để rút tinh dầu còn chứa chất phitônxit có khả năng diệt vi trùng gây bệnh cúm và dùng để xông cúm có hiệu quả. Ngoài ra hoa bạch đàn là đối tượng ưa thích của ong, Mật ong từ hoa bạch đàn có phẩm chất tốt.

Ở nước ta trước năm 1945 đã có nhập trồng hai loài bạch đàn trắng (*Eucalyptus teretricornis*) và bạch đàn đỏ (*Eucalyptus robusta*) tại Nghệ An và Quảng Ninh. Sau khi chiến thắng đế quốc Pháp phong trào trồng cây gây rừng ở miền bắc phát triển mạnh và khỏe từ năm 1959 - 1960 chúng ta nhập thêm hai loài nữa là bạch đàn chanh (*Eucalyptus citriodora*) và bạch đàn lá liễu (*Eucalyptus exserta*). Từ năm 1975 lại

đây nước ta lại nhập đề nghiên cứu một số loài bạch đàn mới như *Eucalyptus camandulensis*, *Eucalyptus grandis* và các loài khác.

Vào những năm 60 phong trào trồng rừng lục hóa đồi trọc phát triển mạnh, cây bạch đàn lá liễu, do dễ trồng và nhập ngoại đã chiếm địa vị quan trọng trong các rừng đã trồng. Diện tích trồng bạch đàn lá liễu lên đến hàng vạn hecta ở vùng trung du và miền núi miền bắc Việt Nam. Phong trào trồng bạch đàn trong những năm ấy ồ ạt đến nỗi đã dội vào trong văn học và tiểu thuyết "Gió bạch đàn" đã ra đời.

Việc trồng rừng bạch đàn ồ ạt như vậy trong lúc chúng ta chưa nắm được những đặc điểm sinh học của chúng, chưa có quy hoạch đúng có căn cứ khoa học do đó đã dẫn đến tình trạng như ngày nay là rừng trồng bạch đàn chiếm diện tích rất lớn, tốn phí nhiều công sức, tiền của nhưng năng suất thấp và nói chung chúng ta rất không hài lòng.

Hiện nay có nhiều ý kiến về bạch đàn. Có ý cho rằng trồng bạch đàn nói chung là không nên vì năng suất thấp, làm xấu đất, khô đất v.v... Có những nơi đã vội vàng chặt bỏ hàng trăm ha rừng bạch đàn mà chẳng trồng cây gì thay thế để cho đất trở lại mặc sức bị phong hóa, xói mòn.

Đây là vấn đề phức tạp đòi hỏi phải thận trọng, cần nghiên cứu để giải quyết đúng đắn.

Cho đến nay ở nước ta trong các loài bạch đàn thì bạch đàn lá liễu được nghiên cứu nhiều nhất mặc dầu cũng chỉ mới là bước đầu. Nghiên cứu cho thấy rằng bạch đàn lá liễu dễ trồng, sống được trên miền đồi núi trọc khô cằn mà trước đây không có cây gỗ nào. Ở những vùng đất thích hợp có độ dày tầng đất thịt sâu 1 - 2 m rừng bạch đàn lá liễu 10 - 12 năm có thể

cho sản lượng gỗ 100 – 150 m³/ha, còn trên đất dày 30 – 40 cm năng suất chỉ là 40–60 m³/ha, trên đất mỏng 10 – 20 cm không tạo thành rừng (Hoàng Xuân Tý, 1977). Điều này thấy rất rõ trên các miền đồi trung du, ở chân đồi có tầng đất sâu, bạch đàn sinh trưởng tốt, rừng 10 – 12 năm có thể cao tới 10 – 15 m, còn ở đỉnh và nhất là dọc sườn đồi tầng đất mặt mỏng hay trơ sỏi đá, bạch đàn lá liễu vẫn sống được, nhưng đỉnh sinh trưởng bị chết và thay vào đó là ra trời bên. Các chồi này sinh trưởng được một ít, đỉnh sinh trưởng lại bị chết và lại nảy chồi bên mới, cứ tiếp tục như vậy. Điều đó dẫn đến chỗ cây cong queo, sinh trưởng rất chậm, không thành rừng được.

Vấn đề quan hệ giữa quần xã bạch đàn với chế độ nước và dinh dưỡng của đất ở nước ta còn ít được nghiên cứu. Các nghiên cứu bước đầu của chúng tôi cũng như của Hoàng Xuân Tý (1977) cho thấy rằng rừng bạch đàn càng nhiều tuổi tầng đất mặt dưới rừng càng khô. So với đất ngoài chỗ trống không có rừng bạch đàn, đất dưới rừng bạch đàn khô hơn. Vào mùa khô độ ẩm đất trong các khu rừng bạch đàn 7 – 8 năm tụt xuống đến độ ẩm cây héo. Hiện tượng khô này có thể động đến chiều sâu 50 cm. Nhưng ở đây cũng cần phải nói rằng ở những khu rừng chúng tôi đã nghiên cứu cũng như nhiều nơi khác thường xuyên xảy ra hiện tượng quét lá và chặt thảm tươi. Điều này làm mất lớp thảm che mặt đất có thể cũng giúp cho đất bị khô và làm cho thảm tươi dưới rừng bạch đàn bị chết.

Về mặt sử dụng nước, nghiên cứu cho thấy rằng bạch đàn có cường độ thoát hơi nước cao. Chẳng hạn, so với thông cùng tuổi, cường độ thoát nước của bạch đàn cao gấp nhiều lần. Lá thông con hai năm tuổi sau 3 phút chỉ thoát hơi nước mất 1,25, trong lúc đó lá bạch đàn trắng 2 năm tuổi thoát mất 1,89, còn bạch đàn lá liễu cũng hai tuổi cường độ thoát hơi nước của lá trong 3 phút là 7,44% trọng lượng lá tươi. Nhưng nếu tính lượng nước thoát đi để sản xuất ra đơn vị chất khô thì bạch đàn chi phí nước có hiệu quả hơn thông, nhất là ở bạch đàn trắng. Điều này thấy rõ nếu nhìn vào cây thông con hai năm chỉ cao chưa đầy một gang tay, trong lúc đó cũng cùng điều kiện, cây bạch đàn hai năm đã có thể cao tới 2 – 4 mét, nghĩa là tốc độ sinh trưởng cũng như sinh khối của bạch đàn tăng nhanh hơn thông gấp trên 10 lần. Do đó về mặt kinh tế mà nói thì bạch đàn chi phí nước với hiệu quả cao hơn thông rất nhiều.

Còn ảnh hưởng của bạch đàn đến chế độ dinh dưỡng của đất thì các công trình nghiên cứu (Hoàng Xuân Tý, 1977) cho thấy rằng chưa phát hiện ra sai khác nào đáng kể về hóa tính

của đất dưới rừng bạch đàn 10 – 12 năm. Còn lý tính của đất như độ xốp, chế độ nước có được cải thiện một phần nhưng tốc độ rất chậm.

Tài liệu nước ngoài cho biết rằng các nghiên cứu ở châu Úc, Ấn Độ, Nam Phi, Ixraen (R.C. Ghosh, O.N.Kanl và B.K.Subba Rao, 1978) đã đi đến nhận xét là bạch đàn không làm xấu đất. Đất dưới rừng bạch đàn nhận được nhiều nước mưa hơn do nước chảy từ từ theo thân thấm vào đất, đất ít bị xói mòn hơn chỗ không có rừng. Các tác giả ấy thông báo là so với thông và một số cây khác bạch đàn tiêu phí nhiều nước hơn nhưng nếu tính lượng nước cần chi phí để sản xuất ra một đơn vị chất khô thì ở bạch đàn thấp hơn, nghĩa là bạch đàn tiêu phí nước tiết kiệm hơn và hiệu quả kinh tế cao hơn.

Hiện tượng khô đất dưới rừng bạch đàn có thể giảm bớt nếu chúng ta có tác động vào nó như cây, trồng xen cây cốt khí hay các cây khác. Thí nghiệm của chúng tôi theo dõi độ ẩm trong các công thức khác nhau cho thấy rằng qua mùa khô từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau, đất dưới bạch đàn trong các công thức có cây hay trồng xen cốt khí ẩm hơn rất nhiều so với nơi không có tác động.

Quan sát tại thực địa cho thấy rằng nhiều khu rừng bạch đàn 6 – 7 tuổi hay nhiều tuổi hơn vẫn còn có thảm tươi dưới tán. Thường đó là những khu rừng ở xa làng bản không bị dân quét lá và chặt cây bụi làm củi.

Cũng có những khu rừng bạch đàn trồng xen với thông khá đẹp. Thông và bạch đàn đều sinh trưởng tốt và đất dưới rừng khá ẩm, ẩm hơn nhiều so với nơi không có rừng. Đó có thể là gợi ý tốt cần tiếp tục thực nghiệm bởi vì tán bạch đàn thưa ở tầng trên đảm bảo đủ ánh sáng cho thông mọc chậm ở tầng dưới. Rễ thông ăn sâu vào lòng đất, còn rễ bạch đàn lại ăn nông nên ít ảnh hưởng nhau và có thể còn hỗ trợ cho nhau. Thông tầng dưới che cho đất luôn luôn ẩm lại giúp cho bạch đàn có đủ nước.

Ngoài ra thông trồng thuần loại thường bị sâu phá hoại nghiêm trọng, nhưng bạch đàn hầu như không bị sâu hại. Trồng hỗn loài thì bạch đàn nhờ chất phitôxít của mình có thể giúp cây khác ít bị sâu bệnh gây hại.

Trong các loài bạch đàn hiện có ở nước ta thì bạch đàn lá liễu không phải là loài chịu hạn tốt nhất. Nghiên cứu cho thấy rằng trong hai loài bạch đàn lá liễu và bạch đàn trắng thì hiệu quả sử dụng nước ở bạch đàn trắng cao hơn ở bạch đàn lá liễu. Theo các chỉ tiêu về độ ẩm cây héo, khả năng giữ nước, áp suất thẩm thấu v.v. bạch đàn trắng có xu thế chịu hạn cao hơn bạch đàn lá liễu. Hoàng Chương (1977) cũng cho nhận xét là bạch đàn lá liễu

chịu hạn kém hơn bạch đàn mới nhập là *Eucalyptus camadelensis*. Và còn có thể có nhiều loài bạch đàn khác vừa chịu hạn tốt hơn vừa có tầm vóc cao hơn bạch đàn lá liễu hiện nay. Do vậy cần nghiên cứu tìm những loài bạch đàn thích hợp cho từng vùng đất đai và khí hậu với hiệu quả kinh tế cao nhất.

Hiện nay, trong lúc chúng ta chưa chọn được tập hợp các loài cây trồng rừng đồi núi trọc thích hợp cho từng vùng, việc từ chối toàn bộ bạch đàn lá liễu không hợp lý, không có căn cứ khoa học. Theo chúng tôi, bạch đàn cần được tiếp tục nghiên cứu để chọn ra những loài trồng thích hợp và nghiên cứu những biện pháp cải tạo thích hợp nhằm tăng năng suất

rừng trồng và cải tạo đất. Nhưng cần trồng loài nào và ở đâu phải theo quy hoạch một cách có căn cứ của các cơ quan có trách nhiệm của ngành lâm nghiệp chứ không trồng ồ ạt như trước đây. Nên nghiên cứu chọn các loài cây có tầm vóc cao, chịu hạn tốt thay thế cho bạch đàn lá liễu và nên hạn chế trồng bạch đàn lá liễu trên đồi trọc.

Đối với các rừng bạch đàn lá liễu hiện có, không nên chặt bỏ khi chưa tìm ra cây nào tốt hơn trồng lại sau khi chặt vì rừng tuy xấu vẫn cho sản phẩm và còn có tác dụng hạn chế xói mòn. Đồng thời để rừng bạch đàn lá liễu đã trồng cũng không gây tác hại.

Một số vấn đề mới...

(Tiếp theo trang 3)

nghiên cứu tạo giống cây con mới (GM1,-GM3-GM5-GM8), nghiên cứu triển khai sản phẩm mới (SF1-SF3-SF5-SF8-SF9), nghiên cứu triển khai phương pháp hoặc công nghệ mới (CN1-CN3-CN5-CN8-CN9) và xây dựng tiêu chuẩn (TC1-TC2-TC3-TC4), chắc chắn chưa bao quát được một số đề tài cũng như mức độ chi tiết hóa các bước trung gian còn hạn chế.

Song, với trình độ kế hoạch hóa khoa học - kỹ thuật hiện nay của chúng ta bằng danh mục các bước nghiên cứu có thể đáp ứng bước đầu yêu cầu cải tiến kế hoạch hóa khoa học - kỹ thuật hiện nay. Trong quá trình vận dụng vào thực tiễn, các ngành, các địa phương, cơ sở sẽ đóng góp đề cải tiến dần bằng danh mục đó.

Cùng bạn đọc

Năm 1981, Tạp chí Hoạt động khoa học ra đều kỳ hàng tháng, in tại Nhà in Bộ tổng tham mưu, phát hành qua Bưu điện khoảng 4.200 cuốn mỗi số (bằng những tháng đầu năm 1980). Bạn đọc và các cơ quan đơn vị đặt mua dài hạn Tạp chí cần liên hệ với các phòng bưu điện huyện, khu phố, thị trấn, thị xã; các ty, sở bưu điện tỉnh, thành phố.

Do có khó khăn về giấy và in, các số phát hành không đủ của năm 1980, Bưu điện sẽ thanh toán trả lại cho các bạn.